TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST Ngày 30 tháng 7 năm 2021 V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Ông Vũ Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thúy H, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: thôn .., xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Tấn T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn .., xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lê Thị Thúy H trình bày:

Chị H kết hôn với anh Đỗ Tấn T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K vào ngày 19/10/2006. Sau khi kết hôn, anh chị cư trú và sinh sống tại thôn ., xã Q, huyện K. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình, dính vào tệ nạn xã hội. Sự việc xảy ra thường xuyên, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Nhận

thấy giữa chị và anh T không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Tấn T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung: Đỗ Tấn Lê N, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2007 và Đỗ Tấn Lê K, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2012. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Đỗ Tấn T để tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự tại Tòa án. Nhưng anh T vắng mặt tại các buổi làm việc, không tham gia phiên họp và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thúy H, cho chị H được ly hôn với anh Đỗ Tấn T.

+ Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Đỗ Tấn Lê N, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2007 và Đỗ Tấn Lê K, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2012. Quá trình tham gia tố tụng, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy 02 con chung đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cần tiếp tục giao 02 cháu Nvà K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Khi ly hôn, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, đương sự xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Thúy H có đơn khởi kiện ly hôn anh Đỗ Tấn T và xin nuôi con chung. Hội

đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*". Bị đơn anh Đỗ Tấn T cư trú tại thôn ., xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự để tham gia tố tụng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng; bị đơn anh Đỗ Tấn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Thúy H và anh Đỗ Tấn T đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K vào ngày 19/10/2006, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, sa vào tệ nạn xã hội, không quan tâm đến gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, xô xát nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai người đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Nay chị H yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, vợ chồng anh T, chị H đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như chị H trình bày trên.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã xảy ra trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về con chung*: Chị H và anh T hiện có 02 con chung là Đỗ Tấn Lê N, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2007 và Đỗ Tấn Lê K, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2012, hiện đang sống với chị H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H có nguyện được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy yêu cầu trên của nguyên đơn phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế giữa các bên. Cần giao 02 cháu N và K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên, chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

- *Về tài sản chung:* Nguyên đơn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Nguyên đơn xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thúy H.

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thúy H và anh Đỗ Tấn T.

2/ Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Đỗ Tấn Lê N, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2007 và Đỗ Tấn Lê K, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2012 cho chị Lê Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh T có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Lê Thị Thúy H phải chịu 300.000^{đ} (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, biên lai số 14899 ngày 13 tháng 01 năm 2021.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên